

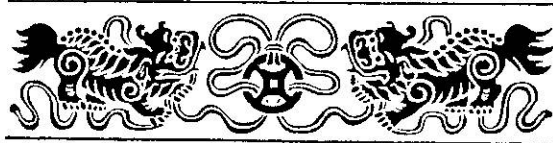
Từ thời thượng cổ, tổ tiên ta có tiếng nói mà không có chữ viết. Về nguồn gốc Việt ngữ thì nhiều sách viết nhiều thuyết khác nhau, nhưng thuyết đáng tin cậy hơn hết là thuyết cho rằng tổ tiên chúng ta là giống Lạc Việt, có một thứ thổ âm cùng một giọng với tiếng Thái. Khi dân Lạc Việt tràn xuống miền Bắc Bìệt và phía bắc Trung Việt thì vẫn giữ thổ âm ấy, nhưng vì thường tiếp xúc với các dân tộc ở miền bắc, miền tây và miền nam, nên đã pha trộn với tiếng Thái, tiếng Môn và tiếng Tàu, mà thành ra một thứ tiếng hỗn hợp, phức tạp.

Đến thời Bắc thuộc, tổ tiên chúng ta bắt đầu học chữ Hán của người Tàu, vì muốn phân biệt với chữ Hán nên gọi tiếng ta là tiếng Nôm - không phải chữ nôm. Kể từ khi học chữ Hán, thì nhiều khi ngôn ngữ lại mượn những tiếng ở chữ Hán. Do đó, các nhà ngôn ngữ học gọi là tiếng Hán-Việt. Những tiếng Hán Việt thường dùng nhất là khi muốn đặt những lời lẽ hoa mỹ, dài các.

Vì chưa có chữ Việt riêng, nên trong thời kỳ Bắc thuộc, các văn nhân nước ta, mỗi khi làm thơ phú đều dùng chữ Hán, cho đến đời vua Trần Nhân Tôn - cuối thế kỷ 13 - ông Hàn Thuyên đặt ra một thứ chữ gọi là chữ Nôm, lối viết tương tự như chữ Hán. Kể từ đó, người nước ta bắt đầu học chữ Nôm và làm văn thơ bằng chữ Nôm, tức là Việt ngữ. Bài thơ chữ Nôm xưa nhất có dùng nhiều chữ Hán là bài thơ của vua Trần Anh Tôn làm khi gả công chúa Huyền Trân cho vua Chế Mân của Chiêm Thành, được khắc vào bia đá và do trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội tìm thấy ở Ninh Bình.

Từ khi Hàn Thuyên đặt ra chữ Nôm, thì các văn nhân nước ta mới

VIỆT NGỮ QUA CÁC THỜI ĐẠI



dem các truyện Tàu ra dịch và phổ biến trong dân gian và cũng bắt đầu từ đó người ta mới đặt những lời nói có tiết điệu, có vần luật để bày tỏ ý nghĩ. Đến cuối đời nhà Trần thì Hồ Quý Ly là người đầu tiên đem chữ Nôm dịch Kinh Thư ra Việt ngữ và dùng chữ Nôm để thảo các sắc chiếu của vua thay vì dùng chữ Hán như các đời vua trước. Đến khi Hồ Quý Ly thất thế thì tư tưởng chán hưng Việt ngữ của họ Hồ cũng bị mai một.

Qua thế kỷ thứ 18, khi Nguyễn Huệ lên ngôi, lấy niên hiệu là Quang Trung, thì ngài dùng chữ Nôm dịch các sách giáo khoa của Tàu để dùng trong việc giáo dục và thi cử. Nhưng khi nhà Nguyễn diệt được Tây Sơn, thì chữ Hán lại giữ ngôi vị độc tôn, mãi cho đến thế kỷ 20, chữ Hán mới chịu nhường ngôi vị cho chữ Pháp, rồi chữ quốc ngữ.

Như trên đã nói, từ thế kỷ 19 trở về trước, mặc dầu chữ Hán giữ độc quyền trong nền văn học nước

ta, nhưng từ thế kỷ 17, khi các nhà truyền giáo Gia Tô người Bồ Đào Nha đến nước ta, họ lấy mẫu tự của nước họ đặt ra một thứ chữ riêng để dịch tiếng bản xứ cho tiện việc giảng dạy các tín đồ. Tiếp theo, giáo sĩ Alexandre de Rhodes sắp đặt lại thành một thứ chữ thông dụng, tức là thủy tổ chữ quốc ngữ ngày nay. Cố A. de Rhodes đem thứ chữ ấy soạn thành bộ tự điển Dictionnaire Annamite-Portugais-Latin và cuốn giáo lý vấn đáp Catéchisme Annamite et Latin.

Sau đó, gần 200 năm, giám mục d'Adran tức Bá Đa Lộc - người giúp vua Gia Long mộ lính Pháp đánh đuổi vua Quang Trung - có ý định chinh đốn lại thành bộ tự điển Việt ngữ sang La tinh ngữ, nhưng việc chưa hoàn thành thì ông mất. Người tiếp nối công trình của giám mục Bá Đa Lộc là giám mục Tabert, soạn thành bộ Dictionnaire Annamitico-Latinum. Ngay lúc bấy giờ, các nhà truyền giáo Gia

Tô bèn dùng chữ quốc ngữ để dịch các kinh sách và soạn sách giáo lý vấn đáp.

Căn cứ vào các điển tiến lịch sử Việt ngữ trên đây ta có thể kết luận rằng thể thức chữ quốc ngữ ngày nay là do các giáo sĩ Bồ Đào Nha là Francisco de Pina, Gaspar de Amaral và Atania de Barbosa đặt ra vào thế kỷ 17 và các giám mục Alexandre de Rhodes, d'Adran và Tabert nhận và xác định vào thế kỷ 19.

Vào năm 1867, khi Nam Việt trở thành thuộc địa của Pháp, thì chính phủ bảo hộ cho phép các trường dạy chữ quốc ngữ. Tiếp theo các nhà tân học miền Nam, như các ông Pétrus Ký, Nguyễn Văn Vĩnh và Paulus Của, bèn dùng chữ quốc ngữ để viết văn. Ở Huế, ông Nguyễn Trường Tộ làm sớ xin triều đình thông dụng chữ quốc ngữ, nhưng lúc đó thể lục chữ Hán còn thịnh, nên lời đề xướng của Nguyễn Trường Tộ không được ai để ý.

Đến năm 1906 thì Phủ Toàn Quyền Hà Nội đặt Hội Đồng Cải Cách Học Vụ - Conseil de Pefectionnement de l'Enseignement - sửa lại chương trình giáo dục, dùng chữ quốc ngữ làm một môn giáo khoa phụ. Năm 1908, triều đình Huế cải tổ nội các, đặt thêm bộ Học và cho dạy chữ quốc ngữ tại các trường học, từ đó chữ quốc ngữ được chính thức thừa nhận.

Qua năm 1915 và 1919, ở Bắc Việt và Trung Việt bãi bỏ các khóa thi chữ Hán, dần dần chữ quốc ngữ chiếm địa vị trọng yếu trong chương trình học vụ và thông dụng khắp nước và phát triển cho đến ngày nay.

Nhân tiện, tôi xin phép được đi ra ngoài đề để nêu lên phương danh những vị có công bồi đắp chữ

quốc ngữ, là các ông Nguyễn Văn Vĩnh, Trương Vĩnh Ký, Paulus Của, ở miền Nam. Và các ông Phạm Quỳnh, Phan Kế Bính, Nguyễn Khắc Hiếu, Phạm Duy Tốn, Trần Trọng Kim ở miền Bắc. Người có công hàng đầu là học giả Phạm Quỳnh, bút hiệu Thượng Chi hay Hoa Đường. Ông đã viết nhiều bài trong báo Nam Phong do ông chủ trương, hô hào quốc dân học chữ quốc ngữ. Mặc dầu đương thời có một thiểu số trí thức miền Nam lên tiếng chống đối. Họ lập luận rằng, "Chữ Pháp vốn là thứ văn tự hay nhất, đẹp nhất trong thế giới, kể có hàng trăm triệu người học, quốc văn ta thì hiện chưa thành, văn tự nghèo nàn thiếu thốn, không đủ dùng, lấy cái đẹp đủ mà thay vào cái kém thiếu chẳng phải là tiện lợi sao".

Để bênh vực cho chủ trương lấy quốc văn làm gốc của mình, ông Phạm Quỳnh đã viết một bài trên báo Nam Phong như sau: "Tôi không bài chữ Pháp, trái lại, tôi công nhận cái hay, cái đẹp của chữ Pháp, văn Pháp. Nhưng chữ Pháp nhất định không thể dùng làm quốc văn của ta. Vấn đề quan trọng nhất trong nước ta ngày nay là vấn đề quốc văn quốc ngữ, vấn đề ấy có giải quyết được hay không thì sự học mới có thể tấn tới, dân trí mới có thể mở mang, cuộc tiến hóa sau này mới có thể mong mỏi được. Đến khi nào chữ quốc ngữ dùng làm quốc văn được, thì người nước Nam mới có thể thu thái các khoa học mới, mà gây thành một nền học thích hợp với trình độ, với tính cách dân ta. Đến ngày ấy thì người nước ta mới phát biểu được tinh thần cốt cách của mình, tinh thần cốt cách ấy hiện nay còn mập mờ phảng phất như ảnh không hình vậy. Nói rút lại, quốc ngữ có phát đạt thì nền quốc học mới gây dựng được, quốc

dân ta mới không đến nỗi chung kiếp di học muốn viết nhờ như từ xưa đến nay" - Nên nhớ ông Phạm Quỳnh là một nhà Tây học, năm 1922 đã qua Pháp với quốc phục khăn đóng áo dài, diễn thuyết bằng tiếng Pháp, trước Hàn lâm viện Pháp, đòi hỏi chính phủ Pháp cải tiến nền giáo dục tại Việt Nam, đòi hỏi thiết lập bậc Tiểu học Việt Nam rất có kết quả.

Chính là nhờ các bậc tiền bối trên đây tô bồi và cổ xúy cho chữ quốc ngữ, khiến quốc dân đem lòng tự tín đối với ngôn ngữ nước nhà mà chung sức tô điểm khiến Việt Ngữ mới có được địa vị như ngày hôm nay.

TÔN THẤT TÙNG

Tài liệu tham khảo

- * Việt Hán Văn Khảo của Phan Kế Bính
- * Quốc Văn Trích Dẫn của Dương Quảng Hàm
- * Việt Nam Văn Hóa Sử Cương của Đào Duy Anh
- * Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên của Phạm Thế Ngũ

BỔ TÚC

Trong bài "Thú chơi Thủy Tiên", LT số 57, trang 47, chúng tôi đã bỏ sót đoạn sau cùng:

"Trích tài liệu đăng trong đặc san Xuân 92 của Hội Y Sĩ Việt Nam Miền Nam Cali"

Nay xin bổ túc

PHÂN ƯU

Được tin Nhạc Mẫu AH Nguyễn Văn Cừ
Cụ bà **CHU THỊ HOÀN**, pháp danh **DIỆU XUYẾN**
đã từ trần ngày 23-10-92 tại Saigon-Việt Nam, hưởng thọ 92 tuổi
Ái Hữu Công chánh xin thành thật chia buồn cùng Anh Chị AH Nguyễn Văn Cừ và gia quyến.
Kính cầu hương hồn Cụ Bà sớm tiêu điều cõi Phật.

Được tin Bào Huynh của AH Lâm Mỹ Bạch Tuyết
Cụ **LÂM MỸ HOÀNG BA**
đã từ trần ngày 14-11-92 tại Orange County, CA, hưởng thọ 78 tuổi
Ái Hữu Công Chánh xin thành thật chia buồn cùng Anh Chị AH Lâm Mỹ Bạch Tuyết và gia đình.
Xin cầu nguyện anh hồn Cụ Ông sớm về nước Chúa,

AH Trần Sĩ Huân cho biết
Hiền Thê của AH Nguyễn Văn Thành ở Milpitas, CA vừa từ trần vì bạo bệnh.
AH Bắc Cali đã có đến phúng điếu và chia buồn cùng AH Nguyễn Văn Thành và gia đình.
Ái Hữu Công Chánh xin thành thật phân ưu cùng AH Nguyễn Văn Thành và gia đình.
Nguyện cầu hương hồn người đã khuất sớm về cõi Tịnh.

Được tin
Cụ **NGUYỄN XUÂN KHƯƠNG**
Chánh kỹ sư Địa Chánh
cựu Tổng Giám Đốc Điền Địa, cựu Đại Biểu Chính Phủ Trung Nguyên Trung Phần
đã từ trần ngày 01-07-92 tại Montreal, Canada, hưởng thọ 81 tuổi
Ái Hữu Công Chánh xin thành kính phân ưu cùng gia đình Cụ Nguyễn Xuân Khương
và nguyện cầu anh hồn người đã khuất sớm về cõi Tịnh.

Được tin Thân Phụ AH Mai xuân Phú
Cụ **GIUSE MAI XUÂN TÝ**
tạ thế ngày 23-9-92 tại Montreal, Canada, hưởng thọ 71 tuổi
Ái Hữu công Chánh xin thành thực chia buồn cùng AH Mai Xuân Phú và gia đình.
Kính cầu chúc anh hồn Cụ Ông sớm về nước Chúa.

Được tin Thân Mẫu AH Lê Nguyên Thông (Melbourne) và AH Lê Nguyên Tùng (Sydney)
là Cụ Bà **LÊ NGUYỄN BÁCH**, pháp danh **TÚY HUÔNG**,
Nhũ danh **LÊ THANH LAN**
đã mất phần ngày 19-9-92 tại Melbourne, hưởng thọ 75 tuổi
Xin phân ưu cùng quý AH Lê Nguyên Thông và Lê Nguyên Tùng và gia đình
Cầu chúc hương hồn Cụ Bà sớm tiêu điều Miền Cự Lạc.

AHCC